

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH-TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông NGUYỄN THÀNH PHẦN

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông PHẠM TÁM

2. Ông THẠCH NGUYỄN MAI THIÊN BẢO

- Thư ký phiên tòa: Ông NGUYỄN QUÝ VÕ - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông PHẠM DUY CƯỜNG – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị ĐÀO THỊ D - sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn TB 2, xã ĐL, huyện VN, tỉnh KH.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh BẠCH VĂN H - sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn TB 2, xã ĐL, huyện VN, tỉnh KH.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 06/12/2021, biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2022, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 11/7/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đào Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị D và anh Bạch Văn H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 và đã được Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện VN, tỉnh

KH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 02, ngày 02/7/2010. Quá trình chung sống do mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm, bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, không tôn trọng lẫn nhau và anh H không quan tâm chăm sóc gia đình. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, nay chị Đào Thị D kiên quyết yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Bạch Văn H.

Về con chung: Chị Đào Thị D và anh Bạch Văn H có 02 con chung là Bạch Gia H1, sinh ngày 06/8/2010, Bạch Gia H2, sinh ngày 26/7/2021. Hiện nay con chung đang do chị D nuôi dưỡng, nay ly hôn chị D yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị D xác định chị và anh Bạch Văn H không có tài sản chung, hiện nay vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị. Vì vậy, về tài sản chung chị Đào Thị D không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với anh Bạch Văn H, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn không cung cấp ý kiến của mình và cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng tại tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng bị đơn đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về ly hôn, về con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào ý kiến tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để cung cấp lời khai; Thông báo để tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng anh Bạch Văn H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị D xác định chị và anh Bạch Văn H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 và đã được Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện VN, tỉnh KH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 02, ngày 02/7/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị Đào Thị D và anh Bạch Văn H sống với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 11/2021 đến nay, chị Đào Thị D xác định chị và anh Bạch Văn H không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay, chị Đào Thị D kiên quyết yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn anh Bạch Văn H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Đào Thị D và anh Bạch Văn H đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đào Thị D yêu cầu giải quyết ly hôn anh Bạch Văn H là hoàn toàn có cơ sở nên cần được chấp nhận. Đối với anh Bạch Văn H Tòa án đã nhiều lần triệu tập để làm việc, tham gia hoà giải, tạo điều kiện vợ chồng đoàn tụ gia đình, nhưng anh H vẫn vắng mặt, cố tình không tham gia hoà giải. Chứng tỏ, anh Bạch Văn H đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, việc vắng mặt của anh Bạch Văn H chỉ nhằm gây khó khăn cho việc xin ly hôn của chị Đào Thị D, nên không thể chấp nhận được.

Về con chung: Chị Đào Thị D xác định chị và anh Bạch Văn H có 02 con chung là Bạch Gia H1, sinh ngày 06/8/2010, Bạch Gia H2, sinh ngày 26/7/2021. Hiện nay con chung đang do chị D nuôi dưỡng, nay ly hôn chị D yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn, phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, nhằm để con chung phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Cháu Bạch Gia H1 đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng mẹ và hiện cháu H1 đang sống ổn định với chị D; nay chị D yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống ổn định lâu nay của cháu H1 và cháu H2, Tòa án căn cứ vào Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị D.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị D xác định chị và anh Bạch Văn H không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Đào Thị D phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho chị **Đào Thị D** được ly hôn anh **Bạch Văn H.**

2. *Về con chung:* Giao cho chị Đào Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Bạch Gia H1, sinh ngày 06/8/2010, Bạch Gia H2, sinh ngày 26/7/2021.

Anh Bạch Văn H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Chị Đào Thị D xác định chị và anh Bạch Văn H không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí:* Chị Đào Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003241 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN. Như vậy, chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình.

5. *Quyền kháng cáo:* Chị Đào Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng và anh Bạch Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban Nhân dân xã ĐL, huyện VN, tỉnh KH./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN;
- THADS huyện VN;
- UBND xã ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thành Phần